

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC BÌNH  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày 21-5-2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; yêu cầu di dời tài sản gắn liền với đất; buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tranh chấp

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lương Văn Thắng

Bà Nông Bích Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Chí Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2023/TLST-DS, ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; thụ lý phản tố số 03/2024/TLST-DS, ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản gắn liền với đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vy Văn T, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện L,

tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Bạch Ánh T, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vi Thị H, sinh năm 1978; công chức địa chính xây dựng, nông nghiệp và môi trường xã Đ (Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng vụ án dân sự số 115/QĐ-UBND ngày 11/12/2023); vắng mặt.

2. Chị Vi Thị M, sinh năm 1996; vắng mặt.

3. Chị Vi Thị P, sinh năm 2000; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vi Thị M và chị Vi Thị P: Bà Hoàng Thị C (Giấy ủy quyền ngày 02/11/2023); vắng mặt.

4. Ông Vi Văn H, sinh năm 1973; có mặt.

5. Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1974; vắng mặt.

6. Anh Vi Văn T1, sinh năm 1994; vắng mặt.

7. Anh Vi Văn D, sinh năm 2003; vắng mặt.

8. Chị Vi Thị B, sinh năm 1993; vắng mặt.

9. Anh Vi Văn H, sinh năm 1987; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn

*- Những người làm chứng:*

1. Ông Vi Văn C, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Lương Văn K, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Bà Vy Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Vi Văn T2, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Ông Vi Trung H, sinh năm 1949; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1951; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Ông Vi Văn T3, sinh năm 1951; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại Đơn khởi kiện ngày 26/10/2023, bản khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị C trình bày:*

Về quan hệ gia đình: Bà Hoàng Thị C kết hôn với ông Vi Văn S ở thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, sinh được 03 người con là Vi Thị M (sinh năm 1996), Vi Thị P (sinh năm 2000), Vi Đức T (sinh năm 2012). Ông Vi Văn S là con trai của ông Vi Văn Đ và bà Nông Thị T (đều đã chết). Về nguồn gốc đất tranh chấp: Gia đình bà Hoàng Thị C quản lý, sử dụng mảnh đất đồi P, thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn từ năm 1991. Nguồn gốc đất là do bố chồng bà Hoàng Thị C là ông Vi Văn Đ được cụ Vi Phương V chia cho là đất trồng chè. Diện tích khoảng gần 400 m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 285, tờ bản đồ số 268 (trước là bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã Đ cũ) bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Gia đình bà C chăm sóc và hái chè đến năm 1997, chè không còn năng xuất nữa nên vợ chồng bà phá chè đi để trồng thông, bạch đàn và keo. Năm 2016, thì gia đình cạo nhựa thông. Tháng 2/2020 thì khai thác toàn bộ thông, bạch đàn và một số cây keo trên đất. Tháng 10/2020, bà trồng khoảng 80 cây thông con nhưng đến ngày 21/3/2023 thì bị nhổ và chặt toàn bộ cây thông này. Đến tháng 4/2023, bà lại tiếp tục trồng khoảng 80 cây thông. Khu đất gia đình bà quản lý, sử dụng có ranh giới rõ ràng với phần đất của người khác được phân định bằng hàng cây sớ, đường rãnh phân cách. Gia đình bà chưa kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do gia đình bà khó khăn nên đối với phần diện tích này chưa đi kê khai và cũng không có ai tranh chấp. Tháng 10/2022, khi gia đình bà khai thác cây keo trồng từ năm 1997 thì ông Vy Văn T ngăn cản, cho rằng khu đất gia đình bà đang quản lý, sử dụng là đất của ông T, do bố ông T là cụ Vi Phương Đ chia cho từ năm 1972 nên xảy ra tranh chấp. Bà Hoàng Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau: Được quản lý, sử dụng đất tranh chấp có diện tích 400,6 m<sup>2</sup> có ký hiệu đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8 thể hiện trên mảnh trích đo khu đất tranh chấp do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô- chi nhánh Lạng Sơn đo đạc ngày 01/12/2023, thuộc một phần thửa 285, tờ số 268 bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, địa danh đồi P, thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Yêu cầu được sở hữu 87 cây thông có đường kính gốc dưới 05 cm; 01 mầm cây bạch đàn đường kính gốc 10 cm; 08 gốc chè (có mầm chồi) đường kính gốc 05 cm; 01 cây gỗ tạp đường kính gốc 09 cm; 01 cây keo đường kính gốc 55 cm; 29 cây sớ có đường kính gốc 06 cm. Buộc ông Vy Văn T và những người trong gia đình ông Vy Văn T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tranh chấp. Bà không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vy Văn T.

*\* Tại biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Vy Văn T trình bày:*

Về quan hệ gia đình: Bố ông là Vi Phương V sinh được 03 người con trai, gồm: ông Vi Văn K - đã chết (bố của Vi Văn C), Vi Văn Đ (bố của Vi Văn S, anh S là chồng bà Hoàng Thị C) và ông (Vi Văn T). Ông Vy Văn T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông có đơn phản tố yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ đất tranh chấp là 400,6 m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất tại khu đồi P, thôn thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 285 tờ bản đồ số 268 (trước là bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã Đ cũ) bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, quy chủ UBND xã Đ, mã loại đất RSX, hiện trạng là đất trồng cây lâu năm và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm 01 cây bạch đàn có đường kính gốc 10 cm; 01 cây gõ tạp có đường kính gốc 09 cm; 08 gốc chè (có mầm chồi) có đường kính gốc dưới 05 cm; 01 cây keo có đường kính gốc 55 cm; 29 cây sớ có đường kính gốc 06 cm; yêu cầu bà Hoàng Thị C phải di dời tài sản gắn liền với đất gồm 87 cây thông có đường kính gốc dưới 05 cm. Do nguồn gốc đất tranh chấp là của bố ông là Vi Phương V chia cho ông từ năm 1972. Ông đã trồng khoai sọ, sắn từ năm 1972. Năm 1990 thì trồng chè, trồng xen vào nương chè khoảng 10 cây thông; trồng bạch đàn, keo vào phần giáp ranh với đất liền kề. Trên đất hiện có 01 cây keo ông trồng từ năm 1997 nay ông không nhớ trồng vào năm nào, các cây sớ trồng lâu rồi làm ranh giới giáp đất bà N; phần giáp đất ông B có đào rãnh phân chia, phần giáp đất ông T2 là rãnh mương, phần giáp đất ông C là rãnh đầu luống chè. Trước khi tranh chấp với nguyên đơn, ông không nói với vợ con là đất tranh chấp là đất của gia đình ông. Nên từ trước năm 2022, các con ông không quản lý, sử dụng và cũng không biết đây là đất của ông được bố để chia cho. Tuy nhiên năm 1990 thì Vi Văn H là con trai ông có được vào phần đất tranh chấp khai thác bạch đàn về làm nhà.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn gồm:* Chị Vi Thị M, Vi Thị P đã ủy quyền cho bà Hoàng Thị C tham gia tố tụng và đều khẳng định không có công sức đóng góp nên đều không yêu cầu quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Đề nghị giao đất tranh chấp cho bà Hoàng Thị C quản lý, sử dụng, giao tài sản trên đất cho riêng bà Hoàng Thị C quản lý, sử dụng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn anh Vi Văn H trình bày:* Ông nhất trí với ý kiến trình bày của ông Vy Văn T, ông Vy Văn T một mình đang quản lý, sử dụng đất tranh chấp, chưa chia cho ai. Bà C và chồng bà C cắt thông, keo trên đất ông không có ý kiến gì vì đất chưa chia cho ông và ông cũng thấy không có giá trị. Từ khi xảy ra tranh chấp, năm 2022 ông Vy Văn T và bà Hoàng Thị C thì ông mới biết đất tranh chấp là của ông Vy Văn T. Rừng bạch đàn gần chỗ đất tranh chấp là Vy Văn T1 đang quản lý, sử dụng con trai ông quản lý, sử dụng, đây là đất ông Vy Văn T giao cho quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa ông lại

khẳng định có biết ông Vy Văn T được giao quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ khi ông còn nhỏ vì ông được thấy ông Vy Văn T trồng sớ trên đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn gồm chị Hoàng Thị Đ, Vi Thị B; các anh Vi Văn D, anh Vi Văn H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không chấp hành và không cung cấp bản khai cho Tòa án, di vậy Tòa án không thể lấy lời khai được những người này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn - Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vi Thị H, sinh năm 1978; công chức địa chính xây dựng, nông nghiệp và môi trường xã Đ (Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng vụ án dân sự số 115/QĐ-UBND ngày 11/12/2023) trình bày:* Phần diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa 285, tờ bản đồ 268, bản đồ địa chính xã Đ, mã loại đất là RST đất rừng sản xuất, quy chủ UBND xã Đ. Quá trình hòa giải và xác minh ở xã, do nhầm lẫn nên xã xác định là thửa 280. Sau khi Tòa án đi xem xét thẩm định ngày 01/12/2023 thì UBND xã khẳng định khu đất UBND xã xác minh trong quá trình tiến hành hòa giải và khu đất do Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ là cùng vị trí tại đồi P, thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa 285, tờ bản đồ 267, bản đồ địa chính xã Đ, mã loại đất là RST, là đất rừng sản xuất. Diện tích đất tranh chấp giữa bà Hoàng Thị C và ông Vi Văn T là 400,6 m<sup>2</sup>; giáp đất ông Vi Văn C, ông Vi Văn B, bà Vi Thị N và ông Vi Văn T2, chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không giao sớ bìa xanh cho tổ chức, cá nhân nào; từ trước đến nay không có dự án nào trên đất hoặc quy hoạch dự án nào trên đất; UBND xã không quản lý, không yêu cầu quản lý, diện tích đất tranh chấp không thuộc quy hoạch, không thuộc dự án nào, có thể giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân hộ gia đình quản lý, được phép cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản trên đất được phép tồn tại. UBND xã đã xác minh nguồn gốc đất và tài sản trên đất, những người sử dụng đất liền kề đều khẳng định đất tranh chấp là của gia đình bà Hoàng Thị C quản lý, sử dụng, trồng cây thông, keo trên đất và đã được khai thác, không phải của ông Vy Văn T.

*Người làm chứng ông Vi Văn C trình bày:* Về quan hệ gia đình, ông C là cháu ruột ông Vi Văn T, là anh họ bên chồng của bà Hoàng Thị C). Giữa ông và ông Vy Văn T không có mâu thuẫn gì; với bà Hoàng Thị C có một chút mâu thuẫn nhỏ. Ông C khẳng định: Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông cha để lại cho ông Vi Văn Đ, ông Đ cho vợ chồng bà C quản lý, sử dụng. Trước đây trồng chè, sau đó trồng thông. Khi gia đình bà C đã khai thác thông, keo nhưng ông T và người nhà ông T không có ý kiến. Ranh giới giữa đất ông C với đất tranh chấp được phân cách bằng rãnh đào, không có đầu luống chè. Trong thôn P ai cũng biết đất tranh chấp là của gia đình bà C quản lý, sử dụng. Ông T tranh chấp đất với bà Hoàng Thị C là do các anh ruột của ông T (Vi Văn K, Vi Văn Đ) đã chết hết, còn mỗi ông T nên mới nảy sinh ý định tranh chấp.

*\* Người làm chứng ông Lương Văn K trình bày:* Ông K và ông Vy Văn T và bà Hoàng Thị C không có mối quan hệ họ hàng chỉ là người cùng thôn, ông không có mâu thuẫn với cả hai bên. Ông khẳng định đất tranh chấp giữa bà C và ông T là của gia đình bà C được ông cha để lại cho vợ chồng bà C. Ông thấy vợ chồng bà C đi cạo nhựa thông và khai thác thông trên đất vào năm 2020. Ông chưa từng thấy ông T quản lý đất tranh chấp. Ông T cũng có đất ở đồi P nhưng không phải ở vị trí tranh chấp với nhà bà C. Từ vị trí đất tranh chấp, đến đất ông Vi Văn C rồi đến đất ông Vy Văn T hiện do con trai ông T trông keo. Lý do ông khẳng định như vậy là vì bố mẹ ông cũng có đất khoảng 200 m<sup>2</sup> ở đồi P, bố mẹ ông cho vợ chồng anh trai ông là Lương Văn N quản lý, sử dụng, anh trai ông đã chết, hiện chị dâu ông là Vy Thị N đang quản lý, sử dụng, có giáp với đất tranh chấp, ông thường lên đây hái chè về sử dụng. Tại đồi P có nhiều gia đình quản lý, sử dụng nhưng chưa có hộ gia đình nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có ranh giới rõ ràng bằng hàng cây, rãnh đào nên không ai tranh chấp với ai. Ông T nói khi bà C khai thác cây ông không biết là không có cơ sở vì đất tranh chấp chỉ cách đường cái khoảng 20 m, nếu là đất của gia đình ông T thì các con ông T phải biết nhưng từ năm 1991, gia đình bà C trông thông, keo, bạch đàn, đến năm 2020 thì khai thác cây, gia đình ông T cũng có đồi ở gần đấy nhưng không ai có ý kiến gì, Khi chồng bà C chết mới xảy ra tranh chấp. Ông đề nghị Tòa án giải quyết hợp tình hợp lý, giao đất tranh chấp cho bà Hoàng Thị C quản lý.

*Người làm chứng bà Vy Thị N trình bày:* Bà khẳng định đất tranh chấp là của bà C vì vợ chồng bà được bố mẹ chồng cho mảnh đất tại đồi P có diện tích khoảng 200 m<sup>2</sup> đất đồi phía dưới liền kề đất tranh chấp có cây sớ và keo gia đình bà C trông làm làm ranh giới. Bà thấy vợ chồng bà C đi cạo nhựa thông và thấy khai thác thông trên đất vào năm 2020. Bà chưa từng thấy ông T hoặc vợ con ông T trông cây hay quản lý đất tranh chấp bao giờ. Khi nhà bà C cạo nhựa thông, cắt cây thông thì gia đình ông T không ai có ý kiến gì. Sau khi chồng bà C chết mới xảy ra tranh chấp. Trong thôn P, có nhiều gia đình có đất tại đồi P, nhưng được phân định ranh giới rõ ràng bằng hàng cây, rãnh hào, từ trước tới nay không xảy ra tranh chấp. Theo ý kiến bà N thì bà C đã trông cây trên đất thì là đất của ông T vì ông T chưa bao giờ quản lý, trông cây trên đất tranh chấp.

*Người làm chứng ông Vi Văn T2 trình bày:* Ông khẳng định phần diện tích đất thẩm định tại chỗ ngày 01/12/2023 tại khu đồi P, thôn P, xã Đ, huyện L là đất gia đình bà C đã quản lý, sử dụng từ lâu. Vì ông T2 có đồi khoảng 10.000 m<sup>2</sup>, giáp đất tranh chấp, ranh giới là cây sớ và rãnh mương. Từ khi tôi còn nhỏ ông T2 thấy ông Vi Văn Đ là bố chồng bà C quản lý đất, trông chè, sau bà C trông thông, có thấy gia đình bà C khai thác thông vào năm 2020. Ông không thấy ông T lên đất tranh chấp bao giờ. Ông khẳng định gia đình ông T cũng nhìn thấy bà C

và gia đình bà C trồng thông, cao nhựa thông và khai thác thông nhưng không có ý kiến gì. Ông T2 biết cụ Vi Phương V chia đôi P 03 mảnh đất rừng đồi cho ông Vi Văn K (là bố Vi Văn C), Vi Văn Đ (bố Vi Văn S) và Vy Văn T diện tích tương đương nhau. Đất ông Đ do vợ chồng bà C trồng thông, tiếp đến là đất ông K nay do ông C đang canh tác, tiếp đến là đất ông T cho con trai là ông Vy Văn H trồng bạch đàn. Tại đồi P, đất của các gia đình đều được khoanh vùng ranh giới rõ ràng bằng hàng cây, rãnh đào. Người dân trong làng ai cũng biết đất tranh chấp là của bà C được cha ông để lại, ông T không có căn cứ để tranh chấp. Theo ý kiến của ông T2 thì đất tranh chấp là đất bà C. Sau khi chồng bà C chết thì ông T mới tranh chấp. Đề nghị Tòa án giải quyết hợp tình, hợp lý, giao đất tranh chấp cho bà C được quản lý, sử dụng.

*Người làm chứng ông Vi Trung H, Vi Văn T3, Hoàng Văn H trình bày:* Họ không có mối quan hệ họ hàng hay mâu thuẫn gì với gia đình ông Vy Văn T, bà Hoàng Thị C. Họ không có đất giáp với đất tranh chấp nhưng do đất tranh chấp gần đường giao thông nên họ biết. Đất tranh chấp trước đây là vườn là do bố mẹ chồng bà C quản lý, sau khi họ chết thì gia đình bà C được quản lý. Họ không nhìn thấy gia đình bà C trồng thông nhưng cách đây khoảng 3 năm, bà C thuê người khai thác thông thì họ biết. Gia đình ông T ở gần đó nhưng cũng không có ý kiến gì. Họ không nhìn thấy ông T trồng cây trên đất tranh chấp. Giáp đất tranh chấp là đất ông Vi Văn C, tiếp đến là đất ông Vy Văn T.

*Tại biên bản việc ngày 21/12/2023 với Trưởng thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn bà Chu Thị V trình bày:* Bà không có mối quan hệ họ hàng hay mâu thuẫn với gia đình ông Vy Văn T và gia đình bà Hoàng Thị C. Bà khẳng định đất tranh chấp giữa hai bên tại buổi thẩm định ngày 01/12/2023 và tại thôn và UBND xã là cùng vị trí. Quá trình hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, đã xác minh những người có đất giáp ranh (bà Vi Thị N, ông Vi Văn T2 và người cao tuổi, người có uy tín trong thôn (các ông Lường Văn K, Vi Trung H, Vi Văn T3, Hoàng Văn H) đều khẳng định đất tranh chấp là do gia đình bà C được ông cha để lại, gia đình bà C đã quản lý, trồng thông, trồng keo; có cây sớ, có rãnh đào làm ranh giới với các hộ sử dụng đất liền kề. Giáp đất tranh chấp là vườn chè ông C, tiếp theo là dải đồi nhà ông T. Gia đình ông T không quản lý đối với đất tranh chấp. Khi gia đình bà C khai thác thông, keo cũng không ai có ý kiến. Tranh chấp phát sinh sau khi chồng bà C là Vi Văn S chết.

Tại công văn số: 17/UBND-TNMT, ngày 03/01/2024, số 312/UBND-TNMT ngày 31/01/2024 và số 787/UBND-TNMT ngày 26/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Thửa 285, tờ bản đồ số 02 (sau sáp nhập là tờ bản đồ số 268) bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất, quy chủ UBND xã, không có hồ sơ nào thể hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với thửa 285, không có hồ sơ tranh chấp đất liên quan, có thể giao quyền

quản lý và sử dụng theo quy định, tài sản trên đất được phép tồn tại thì đề nghị Tòa án xác minh.

Ý kiến của bà Phạm Thị T - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu được quản lý toàn bộ diện tích đất tranh chấp và được sở hữu toàn bộ cây trên đất là có cơ sở. Vì có căn cứ chứng minh nguồn gốc đất là do cha ông để lại, gia đình bà Hoàng Thị C có quá trình quản lý, sử dụng từ năm 1991, chăm sóc và hái chè đến năm 1997, chè không còn năng xuất nữa nên vợ chồng bà C phá chè đi để trồng thông và keo. Năm 2016, thì gia đình bà khai thác nhựa thông. Tháng 2/2020 thì khai thác toàn bộ thông trên đất. Tháng 10/2020 trồng 80 cây thông con nhưng đến ngày 21/3/2023 thì bị nhổ và chặt toàn bộ cây thông này. Tháng 4/2023, bà lại tiếp tục trồng 80 cây thông. Lời khai của nguyên đơn về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng, trồng cây khai thác cây cối trên đất phù hợp với lời khai của những người làm chứng ông Lương Văn K, Vi Văn T2, Vy Thị N, Vi Văn C, các ông Vi Trung H, Vi Văn T3, Hoàng Văn H; ý kiến của Trưởng thôn P bà Chu Thị V, ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, Điều 101, khoản 1,2,5 Điều 166, Điều 170, khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai 2013; Khoản 1,2,6 Điều 11, Điều 175, Điều 176, 357, 468 Bộ luật dân sự xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vy Văn T. Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị C đã nộp tạm ứng trước nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Vy Văn T phải trả cho bà Hoàng Thị C toàn bộ chi phí. Về án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của bà Bạch Ánh T - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị C, bà cùng ý kiến với ông Vy Văn T căn cứ vào việc không ai nhìn thấy bà Hoàng Thị C trồng cây trên đất, khi bà Hoàng Thị C trồng cây keo vào tháng 10/2022 ông Vy Văn T ngăn cản bà Hoàng Thị C không dám chặt nữa thể hiện không phải cây keo do bà Hoàng Thị C trồng. Bà Hoàng Thị C trình bày không được trồng cây sỡ, ông Vy Văn T trình bày được trồng cây sỡ trên đất do vậy có cơ sở khẳng định các cây sỡ là do ông Vy Văn T trồng. Ngoài ra ông Vi Văn C là người làm chứng có mâu thuẫn với ông Vy Văn T nên không thể căn cứ vào lời khai của ông Vi Văn C được. Việc bà Hoàng Thị C hái chè trên đất là do chè không có giá trị, ngoài ra mọi người cũng có thể hái chè trên đất tranh chấp. Do vậy đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vy Văn T.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân. Thẩm phán đã chấp hành đúng



quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự .... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn gồm chị Hoàng Thị Đ, Vi Thị B; các anh Vi Văn D, anh Vi Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa, lời khai của các đương sự, của những người làm chứng ... thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, căn cứ các Điều 26, Điều 50, Điều 95, Điều 99, 100, 101, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 9, Điều 48, Điều 49, Điều 50 Luật đất đai 2003 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất là 400,6 m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất tại khu đồi P, thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 285 tờ bản đồ số 268 (trước là bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã Đ cũ) bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, quy chủ UBND xã Đ, mã loại đất RSX, hiện trạng là đất trồng cây lâu năm và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm 87 cây thông có đường kính gốc dưới 05 cm; 01 cây bạch đàn có đường kính gốc 10 cm; 01 cây gỗ tạp có đường kính gốc 09 cm; 08 gốc chè (có mầm chồi) có đường kính gốc dưới 05 cm; 01 cây keo có đường kính gốc 55 cm; 29 cây sớ có đường kính gốc 06 cm. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Vy Văn T về việc được quản lý, sử dụng diện tích đất là 400,6 m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất tại khu đồi P, thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 285 tờ bản đồ số 268 (trước là bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã Đ cũ) bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, quy chủ UBND xã Đ, mã loại đất RSX, hiện trạng là đất trồng cây lâu năm và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm 01 cây bạch đàn có đường kính gốc 10 cm; 01 cây gỗ tạp có đường kính gốc 09 cm; 08 gốc chè (có mầm chồi) có đường kính gốc dưới 05 cm; 01 cây keo có đường kính gốc 55 cm; 29 cây sớ có đường kính gốc 06 cm; yêu cầu bà Hoàng Thị C phải di dời tài sản gắn liền với đất gồm 87 cây thông có đường kính gốc dưới 05 cm. Buộc ông Vy Văn T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía ông Vy Văn T chấm dứt hành vi cản trở quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà bà Hoàng Thị C được quản lý, sử dụng và sở hữu theo quy định. Bà Hoàng Thị C được quyền đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được quản lý, sử dụng theo quy định. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy việc vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng nêu trên họ đã có lời khai; bản khai; văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng hoặc đã được triệu tập hợp lệ

nhưng không hợp tác đến Tòa án lấy lời khai và tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227; Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp, sở hữu tài sản gắn liền với đất tranh chấp, buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; bị đơn yêu cầu phản tố yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp, sở hữu tài sản gắn liền với đất và yêu cầu nguyên đơn di dời tài sản gắn liền với đất đi nơi khác. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản gắn liền với đất, buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Đất tranh chấp nằm trên địa bàn huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thuộc thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo xác nhận thông tin về cư trú số 001672/XN ngày 20/12/2023 của Công an xã Đ thể hiện: Hộ bà Hoàng Thị C gồm có các thành viên như sau: Chủ hộ Hoàng Thị C cùng các con Vi Thị M, sinh năm 1996; Vi Thị P, sinh năm 2000; Vi Đức T, sinh ngày 27/3/2012.

[5] Theo xác nhận thông tin về cư trú số 001673/XN ngày 20/12/2023 của Công an xã Đ thể hiện: Hộ ông Vy Văn T gồm có các thành viên như sau: Chủ hộ ông Vi Văn H là con của ông Vy Văn T; Hoàng Thị Đ, sinh năm 1974 vợ ông Vi Văn H; Vi Văn T1, sinh năm 1994, con của Vi Văn H; Vi Văn D, sinh năm 2003, con của Vi Văn H; Vi Thị B, sinh năm 1993, con dâu Vi Văn H; Vi Văn H, sinh năm 1987, em của Vi Văn H; Vi Huyền T, sinh ngày 26/12/2021 cháu Vi Văn H; Vi Trang N, sinh ngày 23/01/2019, cháu nội của Vi Văn H.

[6] Tại biên bản xem xét thẩm định, biên bản định giá ngày 01/12/2023 và kết quả đo đạc của Công ty trắc địa bản đồ Sông Tô đã xác định được diện tích đất tranh chấp là 400,6 m<sup>2</sup> thuộc 1 phần thửa đất số 285, tờ bản đồ số 268 (bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã Đ cũ), bản đồ địa chính lâm nghiệp xã Đ, huyện L, không quy chủ ai, là đất rừng sản xuất, ký hiệu RST, hiện trạng đất tranh chấp là đất trồng cây lâu năm. Tài sản gắn liền với đất tranh chấp gồm có: 87 cây thông có đường kính gốc dưới 05 cm, có giá là 16.000 đồng/cây; 01 cây bạch đàn có đường kính gốc 10 cm có giá là 24.000 đồng/cây; 01 cây gỗ tạp có đường kính gốc 09 cm có giá là 11.000 đồng/cây; 08 gốc chè (có mầm chồi) có đường kính gốc dưới 05 cm do giá trị thấp nên các bên không yêu cầu định giá; 01 cây keo có đường kính gốc 55 cm có giá là 210.000 đồng/cây; 29 cây sớ có đường kính gốc 06 cm có giá là 110.000 đồng/cây; giá đất tranh chấp theo giá thị trường là 9000 đồng/m<sup>2</sup>. Các đương sự không ai có ý kiến thắc mắc về kết quả thẩm định, đo đạc, định giá.

[7] Nguyên đơn bà Hoàng Thị C khởi kiện xác định diện tích đất tranh chấp ban đầu thuộc thửa 280, tờ bản đồ địa chính số 02. Tuy nhiên khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ kết quả diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị

đơn nêu tại [6] là do Ủy ban nhân dân xã nhầm lẫn mới xác định là thửa 280 và Ủy ban nhân dân xã khẳng định vị trí đất tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ là đúng phần diện tích đất các đương sự tranh chấp trong quá trình Ủy ban nhân dân xã hòa giải. Do vậy Hội đồng xét xử xác định diện tích đất tranh chấp là phần diện tích đất nêu tại [6].

[8] Nguyên đơn và những người có đất giáp đất tranh chấp cũng như xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ thì khu vực đất tranh chấp chưa ai được cấp sổ bìa xanh, không có dự án V hoặc dự án bồi thường khác.

[9] Tại phiên tòa bị đơn trình bày đất tranh chấp có được cấp sổ bìa xanh mang tên ông Vi Văn H là con trai của ông nhưng do ông chưa giao cho ông Vi Văn H quản lý, sử dụng đất tranh chấp và ông Vi Văn H cũng không biết được đất tranh chấp là do ông tự quản lý, sử dụng, không nói cho ai biết. Mặt khác ông cũng khẳng định sổ bìa xanh đo đạc không chính xác nên ông không đề nghị số hóa, chồng ghép bản đồ để xem xét có vào sổ bìa xanh của ông Vi Văn H hay không.

[10] Tại phiên tòa ông Vi Văn H khẳng định ông có sổ bìa xanh nhưng không biết là có phải là sổ bìa xanh tại khu vực đất tranh chấp không, ông không quản lý, sử dụng đất tranh chấp, đất tranh chấp là của ông Vy Văn T nên nếu sổ bìa xanh mang tên ông mà rơi vào đất tranh chấp thì cũng không phải là của ông nên ông không đề nghị số hóa, chồng ghép bản đồ.

[11] Tại mục 2, 4 Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện L về quyết định công nhận quyền sử dụng đất, cấp đổi cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L có nội dung: *Phòng tài nguyên và môi trường thu hồi và lưu giữ Sổ giao đất, giao rừng (sổ bìa xanh) của các hộ gia đình, cá nhân đã được cấp và giao trước đây... Các quyết định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp và sổ giao đất, giao rừng (Sổ bìa xanh) cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Đ của UBND huyện trước đây hết hiệu lực thi hành.* Do vậy xác định sổ bìa xanh không có giá trị để xem xét quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ai cũng như nguồn gốc đất do đâu mà có.

[12] Trước phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ không có đương sự nào trình bày về việc được cấp sổ bìa xanh, tại phiên tòa cũng chỉ trình bày nhưng không xuất trình sổ bìa xanh do vậy căn cứ vào [8], [9], [10], [11] không thực hiện số hóa, chồng ghép bản đồ giao đất lâm nghiệp (sổ bìa xanh) theo quy định.

[13] Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp thấy rằng:

[14] Diện tích đất tranh chấp là 400,6 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 285, tờ bản đồ số 268 (tờ bản đồ số 02 cũ), là đất rừng sản xuất, ký hiệu là RST, quy chủ Ủy ban nhân dân xã Đ, hiện trạng là đất trồng cây lâu năm. Ủy ban nhân dân xã Đ không quản lý, không yêu cầu quản lý diện tích đất này, diện tích đất này không thuộc quy hoạch gì, có thể giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình quản lý, được phép cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản trên đất được phép tồn tại.

[15] Theo Ủy ban nhân dân xã xác minh thì tất cả mọi người đều khẳng định là gia đình bà Hoàng Thị C quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Do vậy Ủy ban nhân dân xã khẳng định đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất là của gia đình bà Hoàng Thị C, không phải của ông Vy Văn T. Giáp đất tranh chấp là đất ông C, không phải đất ông T quản lý, sử dụng. Cách đất ông C mới đến đất ông T. Ủy ban nhân dân xã cũng khẳng định đất tranh chấp chưa ai được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ bì xanh, chưa có dự án gì tại đất tranh chấp.

[16] Theo ông Vy Văn T thì giáp đất tranh chấp là đất của ông Vi Văn B, ông Vi Văn T2 và bà Vy Thị N, đất của ông đang tranh chấp với ông Vi Văn C. Ông Vy Văn T cho rằng không có mâu thuẫn gì với ông Vi Văn T2, bà Vy Thị N, ông Vi Văn C và ông Vi Văn B có mâu thuẫn với ông nên ông không đề nghị đưa vào là người làm chứng. Ngoài ra ông không có mâu thuẫn với ai. Bà Hoàng Thị C thì cho rằng giáp đất tranh chấp là đất của ông Vi Văn B, ông Vi Văn T2 và bà Vy Thị N, đất của ông Vi Văn C, bà có mâu thuẫn với ông Vi Văn C nên bà không đề nghị đưa ông Vi Văn C vào là người làm chứng, còn lại bà không có mâu thuẫn với ai.

[17] Ông Vi Văn B đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến, theo trường thôn và các đương sự thì ông Vi Văn B đi làm theo giờ hành chính nên đến cũng không gặp được ông Vi Văn B để lấy lời khai do vậy Tòa án không thể lấy lời khai ông Vi Văn B được nên không đưa ông Vi Văn B vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

[18] Ông Vy Văn T cho rằng ông Vi Văn H là người nắm được diện tích đất tranh chấp là của ông Vy Văn T được bố ông Vy Văn T giao cho ông Vy Văn T quản lý, sử dụng nhưng do ông Vi Văn H đi làm nên ông không đưa được ông H đến Tòa án để lấy lời khai, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án không lấy được lời khai và đưa ông Vi Văn H vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

[19] Ông Vy Văn T khi thì trình bày đất tranh chấp đã giao cho các con cháu quản lý, sử dụng, tuy nhiên sau đó trong quá trình lấy lời khai và tại phiên tòa lại trình bày là do nhớ nhầm, ông chưa giao cho các con cháu quản lý, sử dụng và cũng chưa nói với ai là đất của ông được bố ông để lại cho ông, ông một mình khác quản lý, sử dụng nên không ai biết đất của ông. Lời khai này không phù hợp với biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2023 cũng như tại phiên tòa ông Vy Văn T trình bày năm 1990 con trai ông là Vi Văn H đã đi khai thác bạch đàn trên đất tranh chấp về để làm nhà. Mặc dù lời khai trong quá trình tố tụng ông Vi Văn H trình bày là đến năm 2022 khi xảy ra tranh chấp giữa ông Vy Văn T và bà Hoàng Thị C thì ông mới biết đất này là của bố mình được ông cha chia cho do trước đó bố ông không nói cho ai biết nên ông không biết đất này là của bố mình. Tuy nhiên tại phiên tòa ông lại khẳng định lại từ năm 07-08 tuổi ông đã được biết bố ông được ông nội giao cho quản lý, sử dụng đất tranh chấp, bố ông được vào trồng các cây sớ giáp đất ông Vi Văn T2 và bà Vy Thị N từ khi ông còn nhỏ. Ông biết đất đây là của bố mình nhưng thấy giá trị không lớn nên khi biết bà Hoàng Thị C khai thác thông keo trên đất ông không có ý kiến gì. Mặt khác ông Vi Văn H cũng

trình bày đối với các đất của gia đình mình có ở đâu đều phải bảo con cháu trong gia đình biết để còn quản lý, sử dụng.

[20] Theo sơ họa do ông Vy Văn T vẽ ngày 16/01/2024 cùng lời khai của ông Vy Văn T thì ông Vy Văn T có một phần đất của gia đình có trồng cây bạch đàn vào đầu năm 2023, như vậy diện tích đất không tranh chấp này ông Vy Văn T quản lý, sử dụng gần đất tranh chấp; phần này ông Vi Văn H trình bày biết là đất của gia đình và do Vy Văn T1 con trai quản lý, sử dụng trồng bạch đàn, cũng là đất của ông Vy Văn T giao cho. Như vậy diện tích đất này thì ông Vy Văn T lại nói cho con cháu biết là của gia đình nhưng diện tích đất tranh chấp thì lại không nói cho ai biết là đất của mình trong khi đó hai phần diện tích đất này gần nhau, cùng khu vực đồi P, chỉ cách đất tranh chấp một phần đất mà ông Vi Văn C đang quản lý, sử dụng (phần này thậm chí ông Vy Văn T cũng trình bày là đất của ông Vy Văn T). Việc trình bày của ông Vy Văn T không nói cho ai biết là không phù hợp với tài liệu chứng cứ do ông Vy Văn T tự sơ họa lại tại bản vẽ ngày 16/01/2024 và cũng không phù hợp với lời trình bày của những người cao tuổi trong thôn P gồm ông Vi Trung H, ông Hoàng Văn H, ông Vi Văn T3 đều trình bày là đất của gia đình mình đến đâu thì đều nói cho con cháu biết, ngoài ra cũng không phù hợp với cả trình bày của ông Vi Văn H tại phiên tòa cũng cho biết là đất của gia đình đến đâu đều nói cho tất cả mọi người trong gia đình vợ con biết để cùng nhau quản lý, sử dụng.

[21] Ông Vy Văn T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2023 là 01 cây keo hiện có trên đất là do ông trồng vào năm 1997, tuy nhiên các lời khai sau đó ông lại trình bày là cây keo này ông trồng nhưng không nhớ năm nào. Ủy ban nhân dân xã Đ cũng khẳng định quá trình hòa giải, làm việc tại xã ông Vy Văn T khi thì nói cây keo mọc tự nhiên, khi thì nói cây keo ông T tự trồng. Do vậy ông Vy Văn T khi thì trình bày trồng năm 1997, khi thì không nhớ năm trồng, khi thì cây keo mọc tự nhiên. Các lời khai về cây keo của ông T thể hiện không thống nhất với nhau.

[22] Ông Vy Văn T trình bày việc bà Hoàng Thị C khai thác thông và keo lần 1 vào tháng 02, tháng 3 năm 2020 ông sống ở Na Dương nên không biết, nhà ông T nhìn rõ chỗ đất tranh chấp, ông T đứng ở nhà nhìn thấy bà C định chặt cây keo lần 2 vào tháng 4/2022 thì ông nhìn thấy mới có ý kiến. Việc ông Vy Văn T trình bày không phù hợp với quá trình xác minh với trưởng thôn P khẳng định ông T thỉnh thoảng vẫn về nhà, ông T khi ở thôn hòa giải trình bày là có về nhà nhưng không để ý đất tranh chấp nên không biết việc bà C khai thác cây thông, keo trên đất. Kết quả xác minh diện tích đất tranh chấp cách đường liên thôn khoảng 20 mét, từ đường liên thôn nhìn lên đất tranh chấp rõ ràng, nhìn thấy rõ quá trình khai thác cây thông, keo cũng như vận chuyển thông, keo diễn ra trong thời gian dài của bà Hoàng Thị C.

[23] Theo ông Vy Văn T thì phần đất giáp đất tranh chấp là đất của ông được bố để giao cho quản lý, sử dụng, tuy nhiên tất cả những người làm chứng đều khẳng định đây là đất ông Vi Văn C, chỉ thấy ông Vi Văn C quản lý, sử dụng. Tại biên bản xem xét thẩm định và trích đo mô tả diện tích đất tranh chấp cũng thể

hiện rõ phân ranh giới giáp đất ông Vi Văn C và ông Vi Văn B là có rãnh đào, không phải đầu luống chè phù hợp với lời khai những người làm chứng đang quản lý, sử dụng đất giáp đất tranh chấp là ông Vi Văn T2, bà Vy Thị N, ông Vi Văn C cũng khẳng định có ranh giới rõ ràng là rãnh đào ranh giới không phải là đầu luống chè như ông Vy Văn T trình bày.

[24] Những người làm chứng ông Vi Văn T2, bà Vy Thị N, ông Vi Văn C, ông Vi Văn B là những người có đất giáp đất tranh chấp (trừ ông Vi Văn B không ở nhà nên Tòa án không thể lấy lời khai) đều khẳng định đất tranh chấp có ranh giới quản lý rõ ràng, từ trước đến nay là gia đình bà Hoàng Thị C quản lý, sử dụng, hái chè, khai thác nhựa thông, khai thác thông, keo trên đất do vậy là đất của bà Hoàng Thị C. Ông Lường Văn K là em trai chồng của bà Vy Thị N cũng khẳng định trước kia đất của bà Vy Thị N là đất ông cha của ông, ông thường xuyên lên đất gia đình cũng chỉ nhìn thấy vợ chồng bà C trồng thông và khai thác thông. Ngoài ra những người cao tuổi trong làng gồm ông Vi Trung H, ông Hoàng Văn H, ông Vi Văn T3 là những người không có mâu thuẫn gì với ông Vy Văn T thường xuyên qua lại đường liên thôn nên nhìn rõ đất tranh chấp và thấy rõ gia đình bà Hoàng Thị C quản lý, sử dụng đất tranh chấp, họ khẳng định đất của gia đình thì phải bảo con cháu biết để quản lý, sử dụng. Ngoài ông Vi Văn C ra thì tất cả những người làm chứng đều không có mâu thuẫn và quan hệ gì với nguyên đơn và bị đơn.

[25] Quá trình xác minh với trưởng thôn P và Ủy ban nhân dân xã Đ đều khẳng định đất tranh chấp là của bà Hoàng Thị C, không phải của ông Vy Văn T.

[26] Chị Vi Thị M và chị Vi Thị P đề nghị giao đất tranh chấp cho bà Hoàng Thị C quản lý, sử dụng, giao tài sản trên đất cho riêng bà Hoàng Thị C quản lý, sử dụng. Do vậy cần ghi nhận ý kiến này.

[27] Từ những phân tích, đánh giá trên có đủ căn cứ xác định toàn bộ diện tích 400,6 m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất tại khu đồi P, thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 285 tờ bản đồ số 268 (trước là bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã Đ cũ) bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, quy chủ UBND xã Đ mã loại đất RSX, hiện trạng là đất trồng cây lâu năm thì nguyên đơn có căn cứ quản lý, sử dụng, bị đơn không có căn cứ quản lý sử dụng nên thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn. Do vậy yêu cầu khởi kiện về việc được quản lý, sử dụng diện tích 400,6 m<sup>2</sup> của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn không đưa ra được căn cứ, tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu quản lý, sử dụng nên yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận.

[28] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 400,6 m<sup>2</sup>, nên đối với các yêu cầu liên quan của nguyên đơn đối với yêu cầu sở hữu tài sản gắn liền với đất, buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của nguyên đơn được chấp nhận. Do không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 400,6 m<sup>2</sup>, nên đối với các yêu cầu liên quan của bị đơn đối với yêu cầu sở hữu tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản gắn liền với đất của bị đơn không được chấp nhận.

[21] Về chi phí tố tụng: Chi phí trích đo: 8.997.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là: 4.000.000 đồng. Tổng cộng chi phí tố tụng là: 12.997.000 đồng. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí tố tụng, do vậy buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn 12.997.000 đồng mà nguyên đơn đã tạm ứng.

[22] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã Đ, huyện L là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn án phí, tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, do bị đơn là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã Đ, huyện L là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn án phí, tạm ứng án phí nên bị đơn được miễn toàn bộ án phí.

[23] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[24] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn phần nào có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận phần nào không có căn cứ, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[25] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 72, Điều 200, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 4 Điều 157, Điều 158, Điều 161, Điều 162, khoản 1, 4 Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 169, Điều 221, Điều 235, Điều 189, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 50, Điều 95, Điều 99, 100, 101, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 9, Điều 48, Điều 49, Điều 50 Luật đất đai 2003.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

**1. Về quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp, sở hữu tài sản gắn liền với đất, buộc di dời tài sản gắn liền với đất, buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất tranh chấp.**

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C:

Bà Hoàng Thị C được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất là 400,6 m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất tại khu đồi P, thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 285 tờ bản đồ số 268 (trước là bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã Đ cũ) bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, quy chủ UBND xã Đ, mã loại đất RSX, hiện trạng là đất trồng cây lâu năm và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm 87 cây thông có đường kính gốc dưới 05 cm; 01 cây bạch đàn có đường kính gốc 10 cm; 01 cây gỗ tạp có đường kính gốc 09 cm; 08 gốc chè (có mầm chồi) có đường kính gốc dưới 05 cm; 01 cây keo có đường kính gốc 55 cm; 29 cây sớ có đường kính gốc 06 cm.

Diện tích đất được mô tả bằng hình vẽ nối các điểm (đỉnh thửa) A1,A2,A3,A4,A5,A6,A7,A8. Thể hiện tại Trích đo đạc kèm sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo bản án.

1.2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Vy Văn T về việc được quản lý, sử dụng diện tích đất là 400,6 m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất tại khu đồi P, thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 285 tờ bản đồ số 268 (trước là bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã Đ cũ) bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, quy chủ UBND xã Đ, mã loại đất RSX, hiện trạng là đất trồng cây lâu năm và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm 01 cây bạch đàn có đường kính gốc 10 cm; 01 cây gỗ tạp có đường kính gốc 09 cm; 08 gốc chè (có mầm chồi) có đường kính gốc dưới 05 cm; 01 cây keo có đường kính gốc 55 cm; 29 cây sớ có đường kính gốc 06 cm; yêu cầu bà Hoàng Thị C phải di dời tài sản gắn liền với đất gồm 87 cây thông có đường kính gốc dưới 05 cm.

Diện tích đất được mô tả bằng hình vẽ nối các điểm (đỉnh thửa) A1,A2,A3,A4,A5,A6,A7,A8. Thể hiện tại Trích đo đạc kèm sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo bản án.

1.3. Buộc ông Vy Văn T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía ông Vy Văn T chấm dứt hành vi cản trở quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà bà Hoàng Thị C được quản lý, sử dụng và sở hữu nêu tại mục 1.1 theo quy định

**2. Quyền đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:** Bà Hoàng Thị C được quyền đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu tại mục 1.1 theo quy định.

### **3. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng:**

Bị đơn ông Vy Văn T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 12.997.000 đồng (mười hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Buộc bị đơn ông Vy Văn T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Hoàng Thị C chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với số tiền là 12.997.000 đồng (mười hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng) mà nguyên đơn đã chi trả.

### **4. Nghĩa vụ chịu lãi chậm trả:**



Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**5. Về án phí:** Bà Hoàng Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Vy Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

**6. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND hLộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS hL, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP;
- .....
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**

